

Số: 132/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2026/TLST- DS, ngày 30 tháng 7 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY; địa chỉ: **Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An**

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Khánh L** – Nhân viên xử lý nợ; địa chỉ: **Số H, phố L, xã N, tỉnh Thanh Hóa**; CCCD: 036189009035.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn H**, Sinh năm 1993; Số CCCD: 038093036045.

Địa chỉ: **Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa**;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 28/7/2026 tổng số tiền ông **Bùi Văn H** còn nợ **Công ty Cổ phần S** có ngay là 24.064.257đ (Trong đó: Tiền gốc 5,876,114 đồng; Tiền lãi trong hạn: 2.375.531đ; Lãi quá hạn: 3.563.297đ; **P** mượn xe: 11.661.702 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 585.611đ). **Công ty Cổ phần S** có ngay thống nhất miễn cho ông **H** các khoản sau: Lãi trong hạn là 2.375.531đ; **P**

mượn xe 11.661.702 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 585.611đ. Buộc ông **Bùi Văn H** phải trả cho **Công ty Cổ phần S** có ngay số tiền 9,439,412 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 5,876,114 đồng; Lãi quá hạn: 3,563.297 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán: Ông **Bùi Văn H** thanh toán toàn bộ số tiền nợ như trên chậm nhất nhất vào ngày 28/8/2026.

Đến hạn nếu ông **Bùi Văn H** không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh mà các bên đã ký kết thoả thuận cho đến khi ông **Bùi Văn H** thanh toán hết khoản nợ gốc. Trường hợp đến hạn trả nợ ông **Bùi Văn H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì **Công ty Cổ phần S** có ngay có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án để thu hồi khoản nợ.

2.3. Về án phí: Các bên thoả thuận ông **Bùi Văn H** chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định pháp luật. Ông **H** phải chịu 471.971 đồng.

Trả lại cho **Công ty Cổ phần S** có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 580.000đồng. Theo biên lai thu số tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000965, ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4; Điều 6 và Điều 7, Điều 36, Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung

